

Bản án số: 85/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29/3/2023

V/v “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Tuấn

2. Ông Vũ Minh Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Đình Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 497/2022/TLST – HNGĐ, ngày 29/11/2022 về tranh chấp: “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/3/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn 7 xã Đ, huyện K, thành phố Hà Nội. “Có mặt”.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Hồng M, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn 7, xã Đông Dư, huyện K, thành phố Hà Nội. “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, anh Chiến trình bày: Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, thành phố Hà Nội ngày 15/4/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển về sinh sống cùng gia đình tại thôn X, xã Đ, huyện K, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách vợ chồng không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mỗi khi vợ chồng cãi

nhau là vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, có những lần vợ chồng xô xát hàng xóm bên cạnh cũng phải ra can ngăn. Sau những mâu thuẫn vợ chồng thì gia đình cũng tác động khuyên bảo và lúc đó con anh còn nhỏ nên nhẫn nhịn sống để cho con có bố, có mẹ. Vợ chồng từ thời điểm năm 2011 cho đến năm 2019 thì vẫn xảy ra mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn không thường xuyên. Đến ngày 09/9/2019 thì mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra trầm trọng, anh C dọn quần áo chuyển ra ngoài sinh sống từ đó cho đến nay. Anh C chuyển xuống nhà em gái cũng ở thôn X, xã Đ, huyện K để sinh sống. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không tìm cách giải quyết các mâu thuẫn và cũng không liên lạc nói chuyện gì với nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 23/7/2006 và Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 24/7/2011. Hiện nay hai con đang sinh sống cùng chị M tại Thôn A, xã Đ, huyện K, Hà Nội. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn nếu các con muốn ở với ai anh C tôn trọng nguyện vọng của các cháu. Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con trường hợp chị M trực tiếp nuôi 02 con anh C tự nguyện cấp dưỡng phí tổn 2.000.000 đồng/ cháu/ tháng cho chị M nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết

Chị M trình bày:

Về tình cảm: Chị M và anh C có tìm hiểu nhau khoảng 02 năm rồi kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 15/4/2005 tại UBND xã Đ, huyện K, Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng về sinh sống tại gia đình anh C tại xã Đ. Trong thời gian sinh sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn đến năm 2016 thì anh C bỏ nhà đi nghe dư luận bên ngoài anh C có người phụ nữ khác ở bên ngoài thỉnh thoảng có về nhà xong rồi lại đi không quan tâm đến gia đình. Chị M cũng muốn anh C quan tâm tới con cái và có trao đổi với anh C nhưng anh C không nói gì. Mẹ chồng sống cùng cũng có khuyên bảo nhưng anh C không thay đổi nhiều và vẫn sống như vậy nên tình cảm với gia đình cũng nhạt dần. Nay được biết anh C làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện K. Quan điểm của chị M là tình cảm vợ chồng cũng nhạt dần nhưng muốn các con có bố có mẹ nên không đồng ý ly hôn với anh C

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Hiện nay hai con đang ở với chị. Trong trường hợp ly hôn nếu các con muốn ở với ai thì tôn trọng nguyện vọng của các cháu T trường hợp chị trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, về cấp dưỡng do anh C tự nguyện. Tại phiên tòa anh C cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/cháu, chị M đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:
Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự chấp hành chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh C được ly hôn với chị M; về tài sản, nợ chung: Không phải giải quyết; về con chung: Giao 02 cháu cho chị M nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng/cháu đến khi các cháu thành niên hoặc khi thay đổi khác; về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án do bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, huyện K, Thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn thương yêu, tôn trọng nhau. Năm 2019 vợ chồng sống ly thân cắt đứt hẳn quan hệ tình cảm, sinh lý và ly thân nhau từ đó cho đến nay. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh C là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung vợ chồng: Xét thấy chị M nuôi con chung bảo đảm việc dạy dỗ, học tập, nuôi dưỡng; đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên; mặt khác anh C cũng đồng ý để chị M nuôi con chung và nguyện vọng của hai cháu xin ở với mẹ nên giao cho chị M nuôi 02 cháu là có căn cứ. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh C và chị M thống nhất anh C cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/cháu. Căn cứ nhu cầu thực tế nuôi dưỡng ở địa phương và thu nhập của anh C thì mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng/cháu là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh, chị không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Chiến phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C được ly hôn với chị Lê Thị Hồng M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 23/7/2006 và cháu Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 24/7/2011 cho chị M nuôi dưỡng. Anh C cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M là 2.000.000 đồng/tháng/cháu đến khi các cháu thành niên hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, cộng là 600.000 đồng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0073721 ngày 25/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K; anh C còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Anh C, chị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. K;
- Chi cục THADS h. K;
- TAND TP. Hà Nội;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Trần Hồng Quang

